

B án số: 08/2021/DS-ST
Ngày: 02/8/2021
V/v: *Kiện đòi tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hải Nam; Ông Lưu Xuân Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh L - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên: Bà Ngô Diệu Thanh- Chức vụ Kiểm sát viên

Ngày 02tháng 8 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2021/TLST-DS ngày 30 tháng 3 năm 2021 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2021/QĐXX-ST ngày01tháng7năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đào Gia B, sinh năm 1966, có mặt

Địa chỉ: Xóm L, xã T, Tp Thái Nguyên,

Bị đơn:1. Ông Trịnh Văn Th, sinh năm 1979

2.Bà Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1974

Đều trú tại: Xóm L, xã T, Tp Sông Công.

(Ông Th, bà L vắng mặt lần 2 tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, B tự khai và và tại phiên tòa nguyên đơn ông Đào Gia Btrình bày:

Ngày 30/9/2014 ông Trịnh Văn Th và bà Nguyễn Thị Hương L có vay ông số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng),khi vay ông và ông Th, bà L có lập giấy nhận nợ, lý do nợ do ông Đào Gia B đầu tư cám vào trang trại nuôi gà, hẹn đến ngày 30/11/2014 sẽ trả toàn bộ số tiền trên.Đến hẹn ông Th, bà L không

trả tiền cho ông mặc rất nhiều lần ông đến gia đình ông Th, bà L để đòi nợ nhưng ông Th, bà L cứ khất lần không trả. Nay ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Văn Th, bà Nguyễn Thị Hương L trả cho ông số tiền nợ mua cám gia cầm còn lại là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi đối với khoản nợ trên.

**** Tại B tự khai bị đơn ông Trịnh Văn Th trình bày:***

Ông Th xác nhận Giấy nhận nợ ông B xuất trình tại Tòa án là có thật. Thời gian trước đó ông có ký hợp đồng mua bán cám gia cầm với ông Đào Gia B năm 2012. Quá trình thực hiện hợp đồng do số cám mua bị nấm mốc làm cho gà chết, Thệt hại đến kinh tế gia đình ông. Ngày 10/6/2013 Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, Thái Nguyên ra Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa ông Th, bà L phải trả cho ông B số tiền là 384.507.860 đồng. Quá trình Th hành án ông Th và bà L đã trả được cho ông B số tiền là 334.507.860 đồng còn lại số tiền là 50.000.000 đồng ông Th, bà L có chốt lại với ông B một giấy viết tay nhận nợ ghi ngày 30/9/2014 và hẹn đến ngày 30/11/2014 trả số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) chữ ký của ông Th và bà L vợ ông Th trong giấy nhận nợ là đúng. Số tiền nợ 50.000.000 đồng ông Th khẳng định bà L không có liên quan gì, chỉ có ông là người liên quan nhận nợ ông sẽ có trách nhiệm trả cho ông B.

Đến thời hạn hẹn trả, do làm ăn khó khăn nên ông không có tiền trả cho ông B. Nay ông B đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông trả số tiền nợ 50.000.000 đồng, ông nhất trí trả nhưng khi nào có tiền ông sẽ trả cho ông B, nếu ông B không nhất trí ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn B tố tụng của Tòa án cho ông Th, bà L theo đúng quy định của pháp luật nhưng ông Th, bà L không hợp tác, không đến Tòa án để giải quyết vụ án.

Ngày 27/5/2021 Tòa án xác minh tại Công an xã Tân Quang về nơi cư trú và đăng ký hộ khẩu thường trú của bà Nguyễn Thị Hương L. Ông Vũ Thế Cường, cán bộ cung cấp: Bà Nguyễn Thị Hương L, sinh năm 1974 có đăng ký hộ khẩu thường trú và đang cư trú sinh hoạt tại xóm Bài Lài (La Chường cũ) xã Tân Quang, thành phố Sông Công, Thái Nguyên theo hồ sơ sổ hộ khẩu số 05527-001273 chủ hộ là ông Trịnh Văn Th, sinh năm 1979. Cùng ngày 27/5/2021 Tòa án đến địa phương nơi cư trú của bà Nguyễn Thị Hương L tại xóm Bài Lài (La Chường cũ) xã Tân Quang, thành phố Sông Công, Thái Nguyên gặp ông Lương Văn Thắng là trưởng xóm Bài Lài, qua làm việc ông Thắng cung cấp: ông Trịnh Văn Th, bà Nguyễn Thị Hương L là công dân của xóm, hiện đang sinh hoạt, sinh sống tại xóm Bài Lài, xã Tân Quang, thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

Tại phiên Toà, đại diện VKS nhân dân thành phố Sông Công phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và nội dung vụ án giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung : Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về yêu cầu đòi tiền gốc theo giấy nhận nợ ngày 30/9/2014.

Về án phí: Ông Th, bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đào Gia B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với bị đơn ông Trịnh Văn Th, bà Nguyễn Thị Hương L đều cư trú tại xóm Bài Lài (xóm La Chuông cũ) xã Tân Quang, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn ông Trịnh Văn Th và bà Nguyễn Thị Hương L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ theo quy định lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông Th.

[2]. Về Thời hiệu khởi kiện: Ngày 30/3/2021, ông Đào Gia B nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Th, bà L phải trả cho ông B số tiền vay nợ theo giấy vay tiền đề ngày 30/9/2014 số tiền vay 50.000.000/đồng (Năm mươi triệu đồng) thời hạn vay là 02 tháng kể từ ngày lập Giấy vay tiền, hẹn đến ngày 30/11/2014 trả. Quá trình lấy lời khai ông Th trình bày ông không được vay khoản tiền 50.000.000 đồng mà ông và bà L ký nhận nợ là khoản tiền của B án trước đó còn Thiếu do nợ tiền cầm của ông B. Ông xác nhận ông và bà L có lập Giấy nhận nợ với ông B ngày 30/9/2014, chữ ký trong giấy nhận nợ đúng là chữ ký của ông và bà L, ông sẽ có trách nhiệm thanh toán cho ông B vì cho rằng bà L không liên quan đến số tiền trên.

Như vậy căn cứ vào Điều 149,150,429 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự, tại thời điểm ông B khởi kiện thì thời hiệu yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản đã hết. Ông B có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản tiền gốc theo quy định tại Điều 155 Bộ luật dân sự 2015.

[3] Xác định lại quan hệ tranh chấp: căn cứ Điều 157 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp trong vụ án là “ kiện đòi tài sản” .

[4] Về nội dung vụ án:

- Xét giấy nhận nợ đề ngày 30/9/2014 số tiền nợ gốc 50.000.000đồng (Năm mươi triệu đồng) do nguyên đơn ông Đào Gia B cung cấp:

Ông Th thừa nhận Giấy nhận nợ ngày 30/9/2014 ông B xuất trình tại Tòa án là đúng. Trong giấy nhận nợ có chữ ký của ông Th và bà L (vợ ông Th) dưới mục người vay tiền là đúng chữ ký của ông và bà L.

Hội đồng xét xử thấy: Ông B yêu cầu ông Th và bà L phải trả số tiền gốc là 50.000.000đ theo giấy nhận nợ giữa các bên đã ký ngày 30/9/2014 và không yêu cầu tính lãi. Ông Th cho rằng ông và bà L có lập giấy nhận nợ, chữ ký trong giấy nhận nợ đúng là của ông Th, bà L nhưng không được nhận tiền mà là số tiền còn Thiếu phải Th hành án từ trước đó, ông Th xác định bà L không liên quan đến giấy vay nợ này, ông nhất trí trả cho ông B, nhưng khi nào có điều kiện thì sẽ thanh toán trả cho ông B sau.

Tài liệu Tòa án thu thập thể hiện: Trong hồ sơ tại Chi cục Th hành án Thành phố Sông Công đối với Quyết định CNTT của các đương sự số 10/QĐST-DS ngày 10/6/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Sông Công. Trong hồ sơ Th hành án thể hiện có đơn đề nghị Th hành án của ông B; Quyết định Th hành án; Biên B xác minh điều kiện Th hành án; Đơn xin rút đơn đề nghị; Quyết định đình chỉ yêu cầu. Trong hồ sơ không thể hiện nội dung việc đã thanh toán số tiền phải Th hành án theo Quyết định số 10/QĐST-DS ngày 10/6/2013 hay chưa, không thể hiện số tiền thanh toán cụ thể là bao nhiêu. Ngoài ra ông Th còn cho rằng bà L không liên quan đến số tiền nợ 50.000.000 đồng, nhưng ông Th không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cũng như không có yêu cầu nào khác. Bà L trong suốt quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt không có lý do nên không thể lấy lời khai của bà L. Do vậy lời trình bày của ông Th là không có cơ sở không được Hội đồng xét xử chấp nhận. Giấy nhận nợ ngày 30/9/2014 có đầy đủ chữ ký của ông B, ông Th, bà L có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú và được ông Th thừa nhận nên cần buộc ông Th, bà L có trách nhiệm liên đới trả cho ông B số tiền nợ gốc là 50.000.000đ.

Yêu cầu khởi kiện của ông Đào Gia B về việc yêu cầu ông Th và bà L phải thanh toán trả cho ông số tiền gốc là 50.000.000đ theo giấy vay tiền ngày 30/9/2014, ông không yêu cầu ông Th và bà L phải trả lãi là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ Th hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu Th hành án của người có quyền yêu cầu Th hành án, nếu người phải Th hành án chậm Th hành nghĩa vụ thanh toán tiền, sẽ phải chịu lãi suất theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Th, bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm về giải quyết vụ của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Điều 463, 466 ; Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các điều 147, 266, 267, 271, 273 và khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 269 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp kiện đòi tài sản (là tiền) của ông Đào Gia B đối với ông Trịnh Văn Th và bà Nguyễn Thị Hương L.

[2]. Buộc ông Trịnh Văn Th và bà Nguyễn Thị Hương L phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Đào Gia B số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu Th hành án của người có quyền yêu cầu Th hành án, nếu người phải Th hành án chậm Th hành nghĩa vụ thanh toán tiền, sẽ phải chịu lãi suất theo Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3]. Về án phí: Ông Trịnh Văn Th, bà Nguyễn Thị Hương L phải liên đới chịu 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng chẵn) tiền án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch sung công quỹ nhà nước. Hoàn trả ông Đào Gia B 1.250.000 đồng (Một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008166 ngày 30/3/2021 tại Chi cục Th hành án Dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

[4]. Trường hợp B án được Th hành theo quy định tại Điều 2 Luật Th hành án dân sự thì người được Th hành án dân sự, người phải Th hành án dân

sự có quyền thoả thuận Th hành án, quyền yêu cầu Th hành án, tự nguyện Th hành án hoặc cưỡng chế Th hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Th hành án dân sự; thời hiệu Th hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự

[5]. Quyền kháng cáo: Ông Đào Gia B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ông Trịnh Văn Th, bà Nguyễn Thị Hương L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt B án hoặc niêm yết B án theo quy định. Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, Thái Nguyên có quyền kháng nghị B án trong thời hạn 15 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên B án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TP SCTN;
- Chi cục THATP SCTN;
- UBND xã Tân Quang, TP SCTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Thị Bình